

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Kỳ thi tốt nghiệp khóa ngày 10/6/2025

(Kèm theo Quyết định số 356/QĐ-CDN ngày 26/6/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Tây Ninh)

TT	P. thi	Số BD	Mã số HSSV	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	TB TK	Điểm tốt nghiệp			Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										LT	TH	TN		
1	01	001	CDCN09A01	Nguyễn Bình	An	CDCN09A1	08/07/2004	Tây Ninh	7.9	7.0	9.0	8.1	Giỏi	
2	01	007	CDCN09A02	Dương Thanh	Bảo	CDCN09A1	10/10/2004	Tây Ninh	7.4	7.0	8.0	7.5	Khá	
3	01	012	CDCN09A03	Nguyễn Quốc	Bảo	CDCN09A1	22/02/2004	Tây Ninh	7.5	6.0	9.5	7.9	Khá	
4	01	017	CDCN09A82	Nguyễn Đoàn Đại	Đạt	CDCN09A1	06/09/2004	Tây Ninh	8.2	9.5	9.5	8.9	Giỏi	
5	01	021	CDCN09A06	Nguyễn Minh	Đạt	CDCN09A1	23/03/2004	Tây Ninh	8	9.0	9.0	8.5	Giỏi	
6	01	024	CDCN09A10	Nguyễn Trương Nhật	Đồng	CDCN09A1	21/10/2004	Tây Ninh	7.6	6.5	9.0	7.9	Khá	
7	02	041	CDCN09A19	Cao Đan	Huy	CDCN09A1	08/10/2004	Tây Ninh	7.1	8.5	9.5	8.1	Giỏi	
8	02	045	CDCN09A20	Huỳnh Công	Huy	CDCN09A1	03/07/2004	Tây Ninh	7.9	9.5	9.5	8.7	Giỏi	
9	02	048	CDCN09A21	Nguyễn Hoàng	Huy	CDCN09A1	09/10/2004	Tây Ninh	8.1	7.5	9.5	8.5	Giỏi	
10	03	049	CDCN09A23	Lê Tuấn	Kiệt	CDCN09A1	08/05/2003	Tây Ninh	7.6	7.5	9.0	8.1	Giỏi	
11	02	025	CDCN09A85	Trần Quốc	Dũng	CDCN09A1	21/08/2004	Tây Ninh	7.8	8.0	6.5	7.4	Khá	
12	03	055	CDCN09A25	Nguyễn Nhật	Linh	CDCN09A1	02/12/2004	Tây Ninh	7.4	6.5	9.5	8.0	Giỏi	
13	02	031	CDCN09A13	Nguyễn Lê Nhật	Duy	CDCN09A1	08/07/2004	Tây Ninh	8.6	7.5	9.5	8.7	Giỏi	
14	02	036	CDCN09A18	Nguyễn Quốc	Hưng	CDCN09A1	19/09/2004	Tây Ninh	6.6	5.0	6.5	6.3	Trung bình	
15	03	060	CDCN09A26	Huỳnh Thanh	Lộc	CDCN09A1	26/01/1999	Tây Ninh	8.2	8.0	9.0	8.4	Giỏi	
16	03	065	CDCN09A27	Ngô Thành	Lý	CDCN09A1	02/11/2004	Tây Ninh	7.5	8.0	9.5	8.3	Giỏi	
17	03	069	CDCN09A28	Nguyễn Quang	Minh	CDCN09A1	16/06/2004	TP.HCM	8.4	8.5	9.5	8.8	Giỏi	
18	03	072	CDCN09A30	Mai Hữu	Nghĩa	CDCN09A1	19/08/2003	Tây Ninh	8.3	9.0	9.5	8.8	Giỏi	
19	04	073	CDCN09A31	Nguyễn Thành	Nhân	CDCN09A1	12/07/2004	Tây Ninh	8.1	9.0	9.5	8.7	Giỏi	
20	04	079	CDCN09A35	Nguyễn Tấn	Phong	CDCN09A1	22/07/2004	Tây Ninh	7.4	8.0	9.5	8.2	Giỏi	
21	04	089	CDCN09A43	Nguyễn Cao Hoàng	Phúc	CDCN09A1	08/10/2004	Tây Ninh	7.4	8.5	8.5	8.0	Giỏi	
22	04	084	CDCN09A36	Trần Quốc	Phú	CDCN09A1	02/03/2004	Tây Ninh	8	6.0	9.5	8.2	Giỏi	
23	04	093	CDCN09A79	Đoàn Hữu	Thọ	CDCN09A1	30/11/2004	Tây Ninh	7.8	9.0	9.5	8.6	Giỏi	
24	04	096	CDCN09A81	Nguyễn Tấn	Đạt	CDCN09A2	26/12/2004	Tây Ninh	6.9	8.5	6.5	7.0	Khá	
25	05	103	CDCN09A11	Nguyễn Thành	Được	CDCN09A2	10/04/2004	Tây Ninh	7	7.5	7.0	7.1	Khá	
26	05	097	CDCN09A09	Đỗ Phạm Chiêu	Đình	CDCN09A2	26/07/2003	Tây Ninh	7.6	7.0	7.0	7.3	Khá	

TT	P. thi	Số BD	Mã số HSSV	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	TB TK	Điểm tốt nghiệp		Điểm TN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										LT	TH			
27	05	108	CDCN09A15	Lê Nhật	Hào	CDCN09A2	03/08/2004	Tây Ninh	7	7.5	8.5	7.6	Khá	
28	05	113	CDCN09A38	Lê Hoàng Hiếu	Học	CDCN09A2	24/08/2004	Tây Ninh	7	7.5	7.5	7.3	Khá	
29	05	117	CDCN09A33	Trần Văn	Nhứt	CDCN09A2	26/10/2004	Tây Ninh	8	9.5	9.5	8.8	Giỏi	
30	06	120	CDCN09A42	Mai Hoàng	Phúc	CDCN09A2	03/06/2003	Tây Ninh	7.2	6.5	8.5	7.5	Khá	
31	06	126	CDCN09A44	Nguyễn Thiện	Phúc	CDCN09A2	25/04/2004	Tây Ninh	7.7	6.0	9.0	7.9	Khá	
32	06	131	CDCN09A45	Nguyễn Trọng	Phúc	CDCN09A2	03/11/2004	Tây Ninh	7.3	8.0	7.5	7.5	Khá	
33	06	136	CDCN09A46	Phạm Hoàng	Phúc	CDCN09A2	21/09/2004	Tây Ninh	6.8	6.5	6.5	6.7	Trung bình	
34	06	140	CDCN09A47	Nguyễn Thanh	Phương	CDCN09A2	21/12/2003	Tây Ninh	7.7	7.0	8.5	7.9	Khá	
35	07	149	CDCN09A53	Liêu Văn Hoàng	Sơn	CDCN09A2	17/02/2003	Tây Ninh	7	6.0	7.0	6.8	Trung bình	
36	07	154	CDCN09A54	Nguyễn Cao	Thắng	CDCN09A2	05/03/2002	Tây Ninh	7.8	5.0	8.0	7.4	Khá	
37	07	159	CDCN09A57	Trần Nhật	Thanh	CDCN09A2	30/04/2004	Tây Ninh	7.6	9.0	8.5	8.1	Giỏi	
38	07	163	CDCN09A58	Vương Tuấn	Thanh	CDCN09A2	09/12/2004	Tây Ninh	7	5.0	9.0	7.3	Khá	
39	08	166	CDCN09A59	Nguyễn Quốc	Thịnh	CDCN09A2	01/03/2004	Tây Ninh	7.3	7.5	8.5	7.7	Khá	
40	08	172	CDCN09A60	Nguyễn Lê	Thông	CDCN09A2	30/03/2003	Tây Ninh	7	6.0	9.0	7.5	Khá	
41	08	177	CDCN09A61	Võ Hoàng	Thông	CDCN09A2	17/05/2004	Tây Ninh	7.4	9.0	9.0	8.2	Giỏi	
42	08	181	CDCN09A62	Nguyễn Minh	Thuận	CDCN09A2	20/11/2004	Tây Ninh	7.8	7.5	9.5	8.3	Giỏi	
43	08	185	CDCN09A63	Nguyễn Minh	Thuận	CDCN09A2	09/03/2004	Tây Ninh	7	9.0	5.5	6.8	Trung bình	
44	09	195	CDCN09A67	Văn Thành	Trung	CDCN09A2	22/02/2003	Tây Ninh	6.7	5.0	8.0	6.9	Trung bình	
45	09	189	CDCN09A66	Nguyễn Thành	Trung	CDCN09A2	21/02/2004	Tây Ninh	7	7.0	8.0	7.3	Khá	
46	09	208	CDCN09A70	Nguyễn Thanh	Trường	CDCN09A2	01/03/2002	An Giang	8.1	9.0	9.5	8.7	Giỏi	
47	10	212	CDCN09A37	Nguyễn Thanh	Tú	CDCN09A2	19/01/2000	Tây Ninh	8.2	9.0	9.5	8.8	Giỏi	
48	10	220	CDCN09A72	Phan Vi	Tường	CDCN09A2	22/09/2001	Tây Ninh	7.4	8.5	9.0	8.1	Giỏi	
49	10	217	CDCN09A71	Lê Hoàng	Tuấn	CDCN09A2	15/10/2003	Tây Ninh	7.4	6.5	9.0	7.8	Khá	
50	09	200	CDCN09A68	Cao Văn	Trường	CDCN09A2	13/05/2004	Tây Ninh	7.3	8.0	7.5	7.5	Khá	
51	09	204	CDCN09A69	Nguyễn Tấn	Trường	CDCN09A2	31/08/2004	Tây Ninh	7.3	7.5	9.0	7.9	Khá	
52	10	225	CDCN09A75	Lê Gia	Vi	CDCN09A2	03/12/2004	Tây Ninh	6.9	5.5	9.0	7.4	Khá	
53	01	002	CDLA09A05	Trần Thanh	Chi	CDLA09A	07/11/2004	Tây Ninh	6.8	5.0	5.0	5.9	Trung bình	
54	01	008	CDLA09A06	Phạm Thành	Công	CDLA09A	08/08/2004	Tây Ninh	7.4	7.0	7.0	7.2	Khá	
55	01	013	CDLA09A10	Dương Nguyễn Hùng	Duy	CDLA09A	23/09/2004	Tây Ninh	7.0	9.0	5.5	6.8	Trung bình	
56	02	026	CDLA09A11	Hồ Nhật Hoàng	Duy	CDLA09A	09/01/2004	Tây Ninh	6.4	8.0	5.0	6.2	Trung bình	
57	02	032	CDLA09A12	Lê Văn	Hào	CDLA09A	08/02/2004	Tây Ninh	6.7	9.0	6.5	7.0	Khá	
58	02	037	CDLA09A13	Nguyễn Nhật	Hào	CDLA09A	01/11/2004	Tây Ninh	8.1	9.0	8.0	8.2	Giỏi	
59	03	050	CDLA09A15	Nguyễn Thanh	Hiệp	CDLA09A	29/10/2000	Tây Ninh	7.9	8.0	6.5	7.5	Khá	

TT	P. thi	Số BD	Mã số HSSV	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	TB TK	Điểm tốt nghiệp		Điểm TN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										LT	TH			
60	03	056	CDLA09A19	Mai Hồng	Khá	CDLA09A	19/09/2004	Tây Ninh	7.1	9.0	5.0	6.7	Trung bình	
61	03	061	CDLA09A21	Trịnh Minh	Khang	CDLA09A	23/08/2003	Tây Ninh	7.7	5.5	7.0	7.1	Khá	
62	04	074	CDLA09A25	Nguyễn Đăng	Khôi	CDLA09A	08/07/2004	Tây Ninh	8.1	8.0	7.0	7.7	Khá	
63	04	080	CDLA09A26	Nguyễn Quốc	Khương	CDLA09A	23/04/2004	Tây Ninh	7	8.5	7.5	7.4	Khá	
64	04	085	CDLA09A27	Đinh Tuấn	Lâm	CDLA09A	16/12/2004	Tây Ninh	7.9	7.0	7.0	7.5	Khá	
65	05	098	CDLA09A28	Trần Lê Hữu	Luân	CDLA09A	14/09/2004	Tây Ninh	7.6	7.0	7.5	7.5	Khá	
66	05	104	CDLA09A29	Hoàng Cao Đức	Mạnh	CDLA09A	23/02/2003	Tây Ninh	7.2	5.0	6.5	6.6	Trung bình	
67	05	109	CDLA09A50	Nguyễn Lê Hiếu	Nhân	CDLA09A	03/09/2004	Tây Ninh	7	6.5	6.0	6.6	Trung bình	
68	06	121	CDLA09A33	Nguyễn Ngọc	Phát	CDLA09A	19/10/2004	Tây Ninh	7.2	7.5	6.0	6.9	Trung bình	
69	06	127	CDLA09A34	Nguyễn Tấn	Phát	CDLA09A	25/04/2004	Tây Ninh	7.3	5.0	5.5	6.3	Trung bình	
70	06	132	CDLA09A37	Trịnh Công	Tâm	CDLA09A	29/03/2004	Tây Ninh	6.7	7.0	6.0	6.5	Trung bình	
71	07	144	CDLA09A38	Nguyễn Văn	Thật	CDLA09A	19/04/2004	Tây Ninh	7.8	6.0	9.0	7.9	Khá	
72	07	150	CDLA09A39	Lê Văn	Thịnh	CDLA09A	27/01/2003	Tây Ninh	7.5	8.5	5.5	7.0	Khá	
73	07	155	CDLA09A40	Lê Minh	Tiến	CDLA09A	25/10/2001	TP.HCM	7.5	8.5	5.5	7.0	Khá	
74	08	167	CDLA09A42	Lý Thanh	Trọng	CDLA09A	15/05/2002	Tây Ninh	8.3	6.5	8.0	7.9	Khá	
75	08	173	CDLA09A44	Huỳnh Thanh	Tuấn	CDLA09A	16/11/2004	Tây Ninh	7.3	8.5	5.0	6.7	Trung bình	
76	09	190	CDLA09A45	Nguyễn Sơn	Tùng	CDLA09A	01/01/2003	Tây Ninh	7.4	5.0	8.0	7.2	Khá	
77	09	196	CDLA09A47	Ngô Thanh	Vũ	CDLA09A	13/10/2004	Tây Ninh	7.5	6.5	7.0	7.2	Khá	
78	10	213	CDLA09A48	Nguyễn Tuấn	Vũ	CDLA09A	08/01/2004	Tây Ninh	7.3	5.5	6.0	6.6	Trung bình	
79	01	003	CCNO09A01	Trần Quốc	Bảo	CCNO09A	12/09/2004	Tây Ninh	8.5	8.5	9.0	8.7	Giỏi	
80	01	009	CCNO09A05	Bùi Phạm Hữu	Đại	CCNO09A	26/10/2004	Tây Ninh	7.9	8.5	9.0	8.4	Giỏi	
81	01	014	CCNO09A06	Nguyễn Quốc	Đại	CCNO09A	06/09/2004	Tây Ninh	6.7	8.5	8.0	7.4	Khá	
82	01	018	CCNO09A07	Phan Hồng	Đại	CCNO09A	09/11/2004	Tây Ninh	7.6	7.0	9.0	8.0	Giỏi	
83	01	022	CCNO09A09	Dương Công	Danh	CCNO09A	25/06/2004	Tây Ninh	8.1	8.0	9.0	8.4	Giỏi	
84	02	027	CCNO09A11	Phạm Trần Quốc	Đông	CCNO09A	25/08/2004	Tây Ninh	7.2	7.5	8.0	7.5	Khá	
85	02	033	CCNO09A12	Lê Huỳnh	Đức	CCNO09A	07/12/2003	Tây Ninh	7.6	7.5	8.0	7.7	Khá	
86	02	038	CCNO09A16	Đỗ Quốc	Duy	CCNO09A	07/03/2003	Tây Ninh	7	8.5	8.0	7.6	Khá	
87	02	042	CCNO09A17	Mai Thanh Tuấn	Duy	CCNO09A	03/01/2004	Tây Ninh	7.1	8.0	8.0	7.6	Khá	
88	02	046	CCNO09A19	Nguyễn Nhật	Duy	CCNO09A	14/05/2004	Tây Ninh	6.4	7.5	7.0	6.8	Trung bình	
89	03	051	CCNO09A20	Thái Ngọc	Duy	CCNO09A	09/03/2004	Tây Ninh	7.1	9.0	9.0	8.1	Giỏi	
90	03	057	CCNO08A14	Nguyễn Phúc	Giàu	CCNO09A	28/11/2003	Tây Ninh	7.1	9.0	7.0	7.4	Khá	
91	03	062	CCNO09A21	Trần Văn	Hải	CCNO09A	01/09/2004	Tây Ninh	7.1	8.5	8.0	7.6	Khá	
92	03	066	CCNO09A22	Nguyễn Trung	Hậu	CCNO09A	12/12/2004	Tây Ninh	7.1	7.5	8.0	7.5	Khá	

TT	P. thi	Số BD	Mã số HSSV	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	TB TK	Điểm tốt nghiệp		Điểm TN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										LT	TH			
93	03	070	CCNO09A24	Đỗ Thanh	Hoài	CCNO09A	19/10/2002	Tây Ninh	7.2	9.0	8.0	7.8	Khá	
94	04	075	CCNO09A26	Lê Nhất	Huy	CCNO09A	01/04/2004	Tây Ninh	7.2	9.0	8.0	7.8	Khá	
95	04	081	CCNO09A27	Nguyễn Quang	Huy	CCNO09A	18/09/1999	Tây Ninh	7.6	9.0	9.0	8.3	Giỏi	
96	04	086	CCNO09A29	Trần Quốc	Huy	CCNO09A	21/12/2002	Tây Ninh	6.8	9.0	8.0	7.6	Khá	
97	04	090	CCNO09A31	Nguyễn Phúc	Khang	CCNO09A	05/02/2004	Tây Ninh	6.9	7.0	7.0	7.0	Khá	
98	04	094	CCNO09A32	Nguyễn Trần An	Khang	CCNO09A	22/02/2004	Tây Ninh	6.8	8.5	7.0	7.2	Khá	
99	05	099	CCNO09A34	Võ Hà Phúc	Khang	CCNO09A	04/02/2004	Tây Ninh	6.8	8.5	7.0	7.2	Khá	
100	05	105	CCNO09A35	Huỳnh Duy	Khánh	CCNO09A	12/07/2004	Tây Ninh	7.6	9.0	9.0	8.3	Giỏi	
101	05	110	CCNO09A36	Lê Ngọc	Khương	CCNO09A	17/09/2004	Tây Ninh	6.5	8.5	7.0	7.0	Khá	
102	05	114	CCNO09A39	Võ Hoàng	Linh	CCNO09A	24/04/2004	Tây Ninh	7.2	5.5	7.0	6.9	Trung bình	
103	05	118	CCNO09A40	Nguyễn Tấn	Lộc	CCNO09A	06/10/2003	Tây Ninh	7.3	7.0	9.0	7.8	Khá	
104	06	122	CCNO09A42	Đỗ Lê Hoài	Lương	CCNO09A	05/10/2004	Tây Ninh	7.6	8.0	9.0	8.1	Giỏi	
105	06	128	CCNO09A45	Nguyễn Công	Minh	CCNO09A	15/05/2004	Tây Ninh	7.5	6.5	7.0	7.2	Khá	
106	06	133	CCNO09A46	Đỗ Thành	Nam	CCNO09A	14/03/2004	Tây Ninh	7.4	9.0	8.0	7.9	Khá	
107	06	137	CCNO09A48	Nguyễn Thành	Nghĩa	CCNO09A	08/03/2003	Tây Ninh	7.1	9.0	9.0	8.1	Giỏi	
108	06	141	CCNO09A49	Đào Nguyễn Chí	Nguyễn	CCNO09A	25/02/2004	Tây Ninh	6.9	8.0	8.0	7.5	Khá	
109	07	145	CCNO09A51	Trịnh	Phát	CCNO09A	12/10/2004	Tây Ninh	8.3	9.0	9.0	8.7	Giỏi	
110	07	151	CCNO09A52	Nguyễn Hoàng	Phú	CCNO09A	05/09/2004	Tây Ninh	7.4	7.5	8.0	7.6	Khá	
111	07	156	CCNO09A53	Trần Tỷ	Phú	CCNO09A	21/04/2004	Tây Ninh	7.4	8.0	7.0	7.4	Khá	
112	07	160	CCNO09A54	Bùi Phạm Hữu	Phúc	CCNO09A	26/10/2004	Tây Ninh	7.9	8.5	9.0	8.4	Giỏi	
113	07	164	CCNO09A55	Nguyễn Bảo	Phúc	CCNO09A	13/09/2004	Tây Ninh	7.1	8.0	7.0	7.2	Khá	
114	08	168	CCNO09A56	Lê Thanh	Quân	CCNO09A	30/07/2004	Tây Ninh	7.5	7.0	8.0	7.6	Khá	
115	08	174	CCNO09A58	Biện Tấn	Tài	CCNO09A	20/02/2004	Tây Ninh	7.2	7.5	8.0	7.5	Khá	
116	08	178	CCNO09A59	Hồ Tấn	Tài	CCNO09A	25/11/2004	Tây Ninh	7	9.0	8.0	7.7	Khá	
117	08	182	CCNO09A60	Nguyễn Mạnh	Tài	CCNO09A	05/02/2004	Tây Ninh	6.9	9.0	7.0	7.3	Khá	
118	08	186	CCNO09A62	Nguyễn Thanh	Tân	CCNO09A	07/08/2004	Tây Ninh	7.2	7.5	8.0	7.5	Khá	
119	09	191	CCNO09A63	Huỳnh Quốc	Thái	CCNO09A	24/02/2004	Tây Ninh	7.5	7.0	8.0	7.6	Khá	
120	09	197	CCNO09A64	Vương Quốc	Thái	CCNO09A	24/01/2003	Tây Ninh	7.5	8.0	8.0	7.8	Khá	
121	09	201	CCNO09A66	Dương Tấn	Thành	CCNO09A	23/07/2004	Tây Ninh	7.4	8.5	8.0	7.8	Khá	
122	09	205	CCNO09A67	Huỳnh Công	Thành	CCNO09A	01/09/2003	Tây Ninh	7	7.5	8.0	7.4	Khá	
123	09	209	CCNO09A69	Nguyễn Đức	Thịnh	CCNO09A	01/04/2003	Tây Ninh	6.9	9.5	8.0	7.7	Khá	
124	10	214	CCNO09A70	Nguyễn Minh	Thuận	CCNO09A	06/02/2004	Tây Ninh	7.5	8.0	9.0	8.1	Giỏi	
125	10	218	CCNO09A71	Nguyễn Nhật	Tiến	CCNO09A	24/11/2004	Vĩnh Long	7.4	8.0	7.0	7.4	Khá	

TT	P. thi	Số BD	Mã số HSSV	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	TB TK	Điểm tốt nghiệp			Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										LT	TH	TN		
126	10	221	CCNO09A73	Tô Mạnh	Tiến	CCNO09A	28/07/2004	Tây Ninh	7.6	7.0	8.0	7.6	Khá	
127	10	224	CCNO09A76	Hà Nguyễn Nhật	Trưởng	CCNO09A	10/01/2004	Tây Ninh	7.7	7.0	8.0	7.7	Khá	
128	10	227	CCNO09A77	Nguyễn Minh	Tuấn	CCNO09A	04/11/2001	Tây Ninh	7.3	8.0	8.0	7.7	Khá	
129	01	004	CCGK09A01	Nguyễn Trà Đức	Anh	CCGK09A	12/06/2004	Tp HCM	7.5	5.0	8.5	7.4	Khá	
130	02	028	CCGK09A05	Tạ Huỳnh Thanh	Hậu	CCGK09A	08/10/2004	Tây Ninh	7.4	5.0	9.5	7.7	Khá	
131	03	052	CCGK09A08	Nguyễn Văn	Huy	CCGK09A	07/06/2003	Tây Ninh	7.9	6.0	8.5	7.8	Khá	
132	04	076	CCGK09A09	Nguyễn Thanh	Lộc	CCGK09A	24/11/2004	Tây Ninh	7.1	5.0	8.0	7.1	Khá	
133	05	100	CCGK09A10	Nguyễn Minh	Nhật	CCGK09A	25/12/2004	Tây Ninh	7.1	5.5	6.0	6.5	Trung bình	
134	06	123	CCGK09A13	Lê Minh	Phuong	CCGK09A	29/11/2004	Tây Ninh	7.4	5.0	7.5	7.0	Khá	
135	07	146	CCGK09A14	Bùi Quốc	Thịnh	CCGK09A	17/04/2004	Tây Ninh	7.4	5.0	8.0	7.2	Khá	
136	08	169	CCGK09A29	Nguyễn Trọng	Thức	CCGK09A	11/09/2004	Tây Ninh	7.2	8.0	9.0	7.9	Khá	
137	09	192	CCGK09A15	Nguyễn Hữu	Triết	CCGK09A	10/12/2003	Tây Ninh	7.4	5.0	6.5	6.7	Trung bình	
138	10	215	CCGK09A19	Lê Hoàng	Triệu	CCGK09A	24/07/2003	Tây Ninh	7.4	5.0	9.5	7.7	Khá	
139	01	005	CQTC09A01	Ngô Gia	Anh	CQTC09A	19/09/2004	Tây Ninh	6.8	5.0	8.0	6.9	Trung bình	
140	01	010	CQTC09A02	Nguyễn Nhật	Anh	CQTC09A	19/03/2003	Tây Ninh	7.3	5.0	8.0	7.2	Khá	
141	01	015	CQTC09A04	Trần	Cường	CQTC09A	01/06/2003	Tây Ninh	7.9	5.0	9.0	7.8	Khá	
142	02	029	CQTC09A09	Trần Anh	Dũng	CQTC09A	12/10/2004	Tây Ninh	8.2	6.5	9.0	8.2	Giỏi	
143	02	034	CQTC09A10	Trương Ngọc	Hoa	CQTC09A	08/08/2004	Tây Ninh	7.7	5.0	7.5	7.2	Khá	
144	02	039	CQTC09A11	Nguyễn Hiếu	Học	CQTC09A	02/03/2004	Tây Ninh	6.8	5.0	5.0	5.9	Trung bình	
145	02	043	CQTC09A12	Phạm Việt	Hưng	CQTC09A	11/11/2004	Tây Ninh	7.4	5.5	5.0	6.3	Trung bình	
146	03	053	CQTC09A13	Hồ Gia	Huy	CQTC09A	17/07/2004	Đồng Tháp	6.7	5.0	5.0	5.9	Trung bình	
147	03	058	CQTC09A14	Nguyễn Đỗ Đức	Huy	CQTC09A	06/09/2003	Tây Ninh	6.8	5.0	5.5	6.1	Trung bình	
148	03	063	CQTC09A15	Tô Quốc	Khánh	CQTC09A	30/05/2001	Tây Ninh	8	6.5	8.5	7.9	Khá	
149	03	067	CQTC09A16	Trịnh Quốc	Khánh	CQTC09A	13/10/2001	Tây Ninh	8.5	7.5	8.5	8.3	Giỏi	
150	04	077	CQTC09A19	Thái Nguyễn Duy	Linh	CQTC09A	10/06/2003	Tây Ninh	6.1	5.0	5.0	5.6	Trung bình	
151	04	082	CQTC09A21	Trương Tấn	Lộc	CQTC09A	02/07/2002	Tây Ninh	8.5	7.5	9.5	8.7	Giỏi	
152	04	087	CQTC09A22	Lê Trịnh Tấn	Lợi	CQTC09A	06/11/2004	Tây Ninh	7.6	5.5	7.5	7.2	Khá	
153	04	091	CQTC09A23	Trang Sĩ	Luân	CQTC09A	12/08/2004	Tây Ninh	8.3	7.5	9.0	8.4	Giỏi	
154	05	101	CQTC09A24	Lưu Hoàng	Minh	CQTC09A	13/10/2004	Tây Ninh	7.9	6.0	6.0	7.0	Khá	
155	05	106	CQTC09A25	Võ Thị Thanh	Ngân	CQTC09A	25/06/2003	Tây Ninh	7.4	5.0	5.0	6.2	Trung bình	
156	05	111	CQTC09A28	Trương Hoàn	Ngọc	CQTC09A	22/04/2003	Tây Ninh	7.2	5.0	5.0	6.1	Trung bình	
157	05	115	CQTC09A29	Dương Minh	Nhật	CQTC09A	29/12/2004	Tây Ninh	6.1	6.0	5.0	5.7	Trung bình	
158	10	230	CCNO09A79	Nguyễn Thành	Vinh	CCNO09A	29/08/2003	Tây Ninh	6.8	7.5	7.0	7.0	Khá	

TT	P. thi	Số BD	Mã số HSSV	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	TB TK	Điểm tốt nghiệp		Điểm TN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										LT	TH			
159	06	124	CQTC09A31	Trương Hoàng	Phúc	CQTC09A	13/05/2004	Tây Ninh	6.4	5.0	5.0	5.7	Trung bình	
160	06	129	CQTC09A32	Phạm Văn	Phước	CQTC09A	31/07/1999	Tây Ninh	6.4	5.0	5.0	5.7	Trung bình	
161	06	134	CQTC09A34	Nguyễn Nhựt	Quang	CQTC09A	22/03/2004	Tây Ninh	7.5	6.0	6.5	6.9	Trung bình	
162	06	138	CQTC09A35	Hồ Minh	Qui	CQTC09A	27/08/2004	Tây Ninh	7.7	6.0	7.0	7.2	Khá	
163	07	147	CQTC09A36	Trần Minh	Sang	CQTC09A	08/06/2003	Tây Ninh	5.8	5.0	7.0	6.1	Trung bình	
164	07	157	CQTC09A39	Nguyễn Vũ Hoàng	Thành	CQTC09A	28/08/2003	Đồng Nai	7.5	5.0	5.0	6.3	Trung bình	
165	07	161	CQTC09A40	Trần Cao	Thành	CQTC09A	13/10/2004	Tây Ninh	7.3	5.5	7.5	7.1	Khá	
166	08	170	CQTC09A41	Huỳnh Đình	Thọ	CQTC09A	22/09/2004	Tây Ninh	6.2	7.0	5.5	6.1	Trung bình	
167	08	175	CQTC09A42	Trần Phúc	Thọ	CQTC09A	03/07/2004	Tây Ninh	6.1	8.0	5.0	6.1	Trung bình	
168	08	179	CQTC09A43	Nguyễn Quốc	Trọng	CQTC09A	14/08/2004	Tây Ninh	6.4	8.5	5.5	6.5	Trung bình	
169	08	183	CQTC09A44	Nguyễn Đình	Tú	CQTC09A	03/03/2004	TP.HCM	7.7	7.5	7.5	7.6	Khá	
170	09	193	CQTC09A45	Phan Hoàng	Tuấn	CQTC09A	17/11/2004	Tây Ninh	6.2	5.0	8.0	6.6	Trung bình	
171	09	198	CQTC09A46	Huỳnh Văn	Vũ	CQTC09A	18/07/2004	Tây Ninh	5.9	5.0	5.5	5.6	Trung bình	
172	09	202	CQTC09A47	Nguyễn Thị Tường	Vy	CQTC09A	27/12/2004	Tây Ninh	6.8	7.5	5.0	6.3	Trung bình	
173	09	206	CQTC09A48	Lê Thanh	Vỹ	CQTC09A	20/12/2004	Tây Ninh	7.5	5.5	6.5	6.8	Trung bình	
174	09	210	CQTC06A24	Nguyễn Linh Trường	Sang	CQTC09A	17/04/2000	Tp. HCM	6.8	5.5	9.0	7.3	Khá	
175	01	006	CKTD09A01	Phan Thị Hoài	An	CKTD09A1	02/05/2004	Tây Ninh	7.5	9.0	7.5	7.8	Khá	
176	01	011	CKTD09A03	Lê Thị Lan	Anh	CKTD09A1	15/10/2003	Tây Ninh	7	6.5	7.5	7.1	Khá	
177	01	016	CKTD09A04	Nguyễn Minh	Anh	CKTD09A1	28/05/2003	TP.HCM	7.8	8.0	7.5	7.7	Khá	
178	01	020	CKTD09A05	Phạm Thủy Vân	Anh	CKTD09A1	01/01/2004	Tây Ninh	7.3	5.5	7.5	7.1	Khá	
179	01	023	CKTD09A06	Huỳnh Thị Thu	Cúc	CKTD09A1	12/01/2004	Tây Ninh	7.3	8.0	7.5	7.5	Khá	
180	02	030	CKTD09A07	Nguyễn Thị Kim	Cương	CKTD09A1	29/10/2003	Tây Ninh	7.4	5.5	8.0	7.3	Khá	
181	02	035	CKTD09A69	Nguyễn Thành	Đạt	CKTD09A1	02/12/2003	Tây Ninh	7.3	5.0	7.5	7.0	Khá	
182	02	040	CKTD09A08	Nguyễn Thùy	Dương	CKTD09A1	02/07/2004	Tây Ninh	7.1	5.5	5.0	6.1	Trung bình	
183	02	044	CKTD09A10	Lương Thị Ngọc	Hân	CKTD09A1	10/05/2004	Tây Ninh	7.2	8.0	8.0	7.6	Khá	
184	02	047	CKTD09A70	Phạm Ngọc	Hân	CKTD09A1	21/02/2004	Tây Ninh	7.2	6.0	8.0	7.3	Khá	
185	03	054	CKTD09A13	Trần Ngọc	Hân	CKTD09A1	16/10/2001	Tây Ninh	7.9	7.5	8.0	7.9	Khá	
186	03	059	CKTD09A16	Mang Nhật	Hào	CKTD09A1	09/12/2004	Tây Ninh	8	6.5	8.0	7.8	Khá	
187	03	068	CKTD09A23	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	CKTD09A1	17/11/2003	Tây Ninh	8	9.0	7.5	8.0	Giỏi	
188	03	071	CKTD09A24	Nguyễn Thị Trúc	Ly	CKTD09A1	30/09/2004	Tây Ninh	7.1	6.5	8.0	7.3	Khá	
189	03	064	CKTD09A71	Nguyễn Hoàng Lê	Hiền	CKTD09A1	30/01/2004	Tây Ninh	8	9.0	7.5	8.0	Khá	
190	04	078	CKTD09A78	Phan Thị Ngọc	My	CKTD09A1	09/12/2003	Tây Ninh	7	9.5	7.5	7.6	Khá	
191	04	083	CKTD09A26	Huỳnh Thị Kim	Ngân	CKTD09A1	15/02/2004	Tây Ninh	7.3	8.5	7.5	7.6	Khá	

TT	P. thi	Số BD	Mã số HSSV	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	TB TK	Điểm tốt nghiệp		Điểm TN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										LT	TH			
192	04	088	CKTD09A27	Lương Thị Khánh	Ngân	CKTD09A1	31/01/2004	Đồng Tháp	7.6	8.5	7.5	7.7	Khá	
193	04	092	CKTD09A73	Phan Thị Kim	Ngân	CKTD09A1	24/02/2004	Tây Ninh	7.3	9.0	7.5	7.7	Khá	
194	07	148	CKTD09A32	Lưu Mỹ	Phụng	CKTD09A2	17/04/2003	Tây Ninh	7	5.5	8.5	7.3	Khá	
195	06	139	CKTD09A84	Nguyễn Tuyết	Nhung	CKTD09A2	09/09/1993	Tây Ninh	7	5.0	8.0	7.0	Khá	
196	06	142	CKTD09A36	Nguyễn Đỗ Vi	Phương	CKTD09A2	03/10/2002	Tây Ninh	7.4	5.0	6.0	6.5	Trung bình	
197	04	095	CKTD09A28	Đào Nguyễn Yến	Ngọc	CKTD09A1	29/02/2004	Tây Ninh	7	6.5	8.0	7.3	Khá	
198	07	153	CKTD09A38	Đặng Phương	Quyên	CKTD09A2	24/04/2003	Tây Ninh	7.6	9.5	8.0	8.1	Giỏi	
199	05	102	CKTD09A29	Nguyễn Đoàn Yến	Ngọc	CKTD09A1	29/01/2004	Tây Ninh	7.3	6.5	7.5	7.2	Khá	
200	05	107	CKTD09A31	Nguyễn Hồ Ngọc	Nhi	CKTD09A1	23/07/2004	Tây Ninh	7.2	7.5	7.5	7.4	Khá	
201	06	135	CKTD09A35	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	CKTD09A2	03/06/2004	Tây Ninh	8.1	9.0	7.5	8.1	Giỏi	
202	05	112	CKTD09A74	Phạm Nguyễn Như	Quỳnh	CKTD09A1	02/01/2004	Tây Ninh	6.9	9.0	7.5	7.5	Khá	
203	05	116	CKTD09A33	Huỳnh Thị Kim	Thi	CKTD09A1	02/04/2003	Tây Ninh	7.8	8.5	7.5	7.8	Khá	
204	05	119	CKTD09A75	Nguyễn Thị Cẩm	Thi	CKTD09A1	31/07/2003	Tây Ninh	7.6	7.0	7.5	7.5	Khá	
205	06	130	CKTD09A77	Trần Xuân	Lộc	CKTD09A2	30/03/2003	Tây Ninh	7.3	8.5	9.5	8.2	Giỏi	
206	07	158	CKTD09A39	Đỗ Thị Như	Quỳnh	CKTD09A2	14/04/2004	Tây Ninh	7.2	5.0	8.0	7.1	Khá	
207	07	162	CKTD09A40	Trần Nguyễn Lam	Sương	CKTD09A2	27/09/2002	Tây Ninh	7.9	9.5	7.5	8.0	Giỏi	
208	07	165	CKTD09A44	Phan Thị Kim	Thảo	CKTD09A2	13/10/2004	Tây Ninh	7.3	7.0	6.0	6.8	Trung bình	
209	08	171	CKTD09A47	Nguyễn Thị Minh	Thư	CKTD09A2	01/05/2004	Tây Ninh	6.9	6.5	5.5	6.4	Trung bình	
210	08	176	CKTD09A48	Trần Anh	Thư	CKTD09A2	23/11/2003	Tây Ninh	7.7	9.0	8.0	8.0	Khá	
211	08	180	CKTD09A49	Trần Minh	Thuận	CKTD09A2	13/05/2004	Tây Ninh	7.1	8.5	6.0	7.0	Khá	
212	08	184	CKTD09A50	Nguyễn Trọng	Thức	CKTD09A2	23/09/2002	Tây Ninh	7.6	9.0	9.5	8.5	Giỏi	
213	08	187	CKTD09A51	Nguyễn Kim	Thy	CKTD09A2	13/12/2003	Tây Ninh	7.3	9.0	6.0	7.2	Khá	
214	08	188	CKTD09A52	Phạm Thị Kim	Tiên	CKTD09A2	15/08/2004	Tây Ninh	7.2	9.0	7.5	7.6	Khá	
215	09	194	CKTD09A54	Lại Ngọc	Trâm	CKTD09A2	11/10/2004	Tây Ninh	7.4	7.0	9.0	7.9	Khá	
216	09	199	CKTD09A56	Nguyễn Thị	Trang	CKTD09A2	25/07/2002	Tây Ninh	7.1	6.5	8.0	7.3	Khá	
217	09	207	CKTD09A58	Lê Trần Phương	Trình	CKTD09A2	22/01/2004	Tây Ninh	7.8	8.5	9.0	8.3	Giỏi	
218	09	203	CKTD09A57	Nguyễn Thị Thủy	Trang	CKTD09A2	26/07/2003	Bình Định	7.4	9.0	9.0	8.2	Giỏi	
219	09	211	CKTD09A59	Nguyễn Thủy	Trình	CKTD09A2	24/10/2004	Tây Ninh	7.5	9.0	7.5	7.8	Khá	
220	10	216	CKTD09A61	Trần Hoàng	Tuấn	CKTD09A2	20/03/2004	Tây Ninh	7.5	9.5	9.5	8.5	Giỏi	
221	10	219	CKTD09A65	Phạm Thị Trúc	Vy	CKTD09A2	07/02/2002	Tây Ninh	8.1	9.5	8.5	8.5	Giỏi	
222	10	222	CKTD09A66	Hà Thị Kim	Yến	CKTD09A2	18/11/2003	Tây Ninh	7.7	9.0	8.5	8.2	Giỏi	
223	10	228	CKTD09A67	Nguyễn Thị Kim	Yến	CKTD09A2	14/05/2004	Tây Ninh	7.4	6.0	9.5	7.9	Khá	
224	10	229	CKTD08A103	Lê Ngọc Anh	Tuyền	CKTD08A2	30/03/2001	Tây Ninh	6.8	5.5	6.0	6.3	Trung bình khá	LT

TT	P. thi	Số BD	Mã số HSSV	Họ và tên		Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	TB TK	Điểm tốt nghiệp		Điểm TN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
										LT	TH			
225		231	CQTC08A25	Nguyễn Trung	Nguyễn	CQTC08A	28/05/2003	Tây Ninh	5.9	5.0	5.0	5.5	Trung bình	TH
226		232	CQTC08A28	Trần Nhựt	Minh	CQTC08A	26/04/2000	Tây Ninh	6.4	5.5	5.0	5.8	Trung bình	TH
227		233	CQTC08A42	Lê Đặng Tấn	Thành	CQTC08A	18/06/2002	Tây Ninh	6.2	6.0	5.0	5.8	Trung bình	TH
228		234	CQTC08A48	Nguyễn Hoài	Thương	CQTC08A	17/07/2002	Tây Ninh	6.4	9.0	5.0	6.4	Trung bình khá	TH

Danh sách này có : 228 sinh viên

HIỆU TRƯỞNG



ThS. Châu Thành Trọng